

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 04-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thúy;
2. Ông Trương Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Minh A, sinh năm 1972 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Vũ U', sinh năm 1948 (chết) và bà Nguyễn T, sinh năm 1948; Vợ: Nguyễn L, sinh năm 1972; Con: 01 người, sinh năm 1995; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Có 01 tiền án, vào ngày 17/6/1996 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/1997, nhưng chưa chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm; Tạm giữ: Ngày 22/02/2019; Tạm giam: Ngày 02/3/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thanh S (tên gọi khác: SL), sinh năm 1978 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần O, sinh năm 1951 và bà Dương E, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn I, sinh năm 1986; Con: có 04 người, người

con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 27/9/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2018; Tạm giữ: Ngày 21/02/2019; Tạm giam: Ngày 02/3/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H(bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Trần M, sinh năm 1954 (có mặt);
2. Phan N, sinh năm 1966.

(Bà Phan N ủy quyền cho ông Trần M, văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019) (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm 5, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn L, sinh năm 1972 (có mặt);
2. Nguyễn G, sinh năm 1995 (có mặt);
3. Trần Thanh D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Huỳnh Thị B, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 2, xã PN, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn P, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 3, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Đoàn V, sinh năm 1991 (vắng mặt);
2. Trần O, sinh năm 1951 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lý F, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 3, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn T, sinh năm 1950 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp BT, xã B1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn C, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 2, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/02/2019, Trần Thanh S đang ở nhà thuộc khóm A1, phường A2, thị xã H thì Vũ Minh A điện thoại cho S và nói “Đi làm không?”, S hỏi lại “Đi làm cái gì?”; A trả lời “Đi trộm chứ gì”, S đồng ý. Sau đó S

đi bộ lại nhà A, cách nhà S khoảng 10m, tại đây A đưa S chìa khóa và xe mô tô hiệu Wave an pha màu trắng, không gắn biển số (biển số xe đã được A tháo gỡ trước đó), S điều khiển chở A ngồi phía sau chạy quanh khu vực chợ H, S và A vào quán cà phê không có bản tên đối diện tiệm vàng X(BS) trên đường H5 thuộc khóm 2, phường A2 với mục đích quan sát chủ tài sản sơ hở sẽ lấy trộm. Tuy nhiên do không phát hiện được tài sản để lấy trộm, nên S tiếp tục điều khiển xe mô tô chở A ngồi phía sau chạy trên đường AV thuộc Khóm 2, phường A2. Khi đến Ngân hàng Sacombank, A phát hiện vợ chồng ông Trần M và bà Phan N từ trong Ngân hàng đi ra, ông M mở cốp xe mô tô mang biển kiểm soát 66H1- 158.38, bà N để bọc nylon màu xanh vào trong cốp rồi điều khiển xe chở bà N chạy đi, lúc này nghi đó là bọc đựng tiền nên A nói với S điều khiển xe chạy theo sau phía xe ông M với mục đích chờ chủ sở hữu sơ hở trộm cắp tài sản. Khi đến cửa hàng đồ điện gia dụng F trên đường H5, khóm 2, phường A2, ông M dừng xe lại bước vào bên trong cửa hàng mua đồ, còn bà N bước xuống xe đứng bên ngoài, ngay lúc này S điều khiển xe chở A chạy đến, cả 2 đều xuống xe, A giả vờ nói chuyện điện thoại nhằm mục đích che chắn tầm nhìn của bà N, để S dùng tay cạy cốp xe lấy trộm bọc nylon màu xanh bên trong có đựng tiền. Sau khi lấy trộm được tài sản, S nhanh chóng cất giấu vào bên trong áo khoác rồi cùng với A nhanh chóng tẩu thoát. Số tiền lấy trộm được tổng cộng 300.000.000 đồng, S chia cho A 150.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp có được, S tiêu xài cá nhân 30.000.000 đồng, gửi cho chị Trần Thanh D cất giữ 120.000.000 đồng. Đối với A số tiền trộm cắp đem giấu vào phía sau tấm gương để trong nhà của A.

Ngay sau khi phát hiện tài sản bị lấy trộm, ông M và bà N đến Công an phường A2 trình bày vụ việc. Qua điều tra xác định được Trần Thanh S và Vũ Minh A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng ngày Trần Thanh S bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đến ngày 22/02/2019 Vũ Minh A bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp để điều tra hành vi phạm tội.

** Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ:*

- Tiền Việt Nam 270.000.000 đồng. Trong đó Trần Thanh D giao nộp 120.000.000 đồng; Khám xét chỗ ở Vũ Minh A thu giữ 150.000.000 đồng;

Ngoài ra, tại nhà Vũ Minh A, cơ quan điều tra còn thu giữ:

- Tiền Việt Nam 14.000.000 đồng;
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).
- 17 (mười bảy) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 66N1-354.70;
- Một cây tu vít bake dài 25cm, có đầu bằng nhựa màu trắng đỏ dài 09cm (đã qua sử dụng).
- 02 (hai) chiếc dép da màu đen, trên hai chiếc dép có dòng chữ BUTA, màu trắng (đã qua sử dụng).
- 01 (một) bảo hiểm, màu đen (có hình dạng như nón kết), phía sau có dòng chữ TONATO Helmet (đã qua sử dụng).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại 105 V0360, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).
- 01 (một) cái quần sọt (ngắn) nam màu xám, mặt sau quần sọt có may một miếng da (nhựa) màu đen có dòng chữ X.KP.CO.91.
- 01 (một) cái áo khoát màu đen có viền màu trắng đỏ, trên viền màu trắng bên ngực trái của áo có ghi dãy số 950228 màu xanh.

*** Về xử lý vật chứng:**

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho bị hại số tiền 270.000.000 đồng; Trả lại cho chị Nguyễn L:

- Tiền Việt Nam 14.000.000đồng;
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).
- 17 (mười bảy) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), vì đây là tài sản không liên quan đến vụ án.

*** Về dân sự:** Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm số tiền là 270.000.000 đồng, số tiền còn lại 30.000.000 đồng, bị cáo Trần Thanh S đã tiêu xài cá nhân hết, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường;

Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, bị cáo Vũ Minh A không thừa nhận là người chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo Trần Thanh S thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, truy tố các bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, các tài liệu và chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị hại Trần M đề nghị xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định pháp luật, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với số tiền 30.000.000đồng chưa thu hồi được do bị cáo Trần Thanh S tiêu xài hết, vợ chồng ông không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn L yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 66N1-354.70 vì tài sản này thuộc quyền sở hữu của chị, việc các bị cáo lấy xe đi trộm tài sản chị không biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, trong đó bị cáo Vũ Minh A là người chủ động rủ rê bị cáo Trần Thanh S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Minh A từ 10 năm đến 11 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thanh S từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Đối với chị Trần Thanh D là người giữ tiền do bị cáo Trần Thanh S trộm mà có. Tuy nhiên khi đưa tiền cho chị D cất giữ, S không nói đây là tiền do phạm tội mà có và chị D cũng không biết tiền do S lấy trộm, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị D, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần M và bà Phan N, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 270.000.000đồng và đã trao trả lại cho bị hại, ông M và bà N đã nhận lại 270.000.000đồng, riêng số tiền còn lại 30.000.000đồng, bị cáo Trần Thanh S đã tiêu xài hết, nên không thu hồi được, ông M và bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 30.000.000đồng này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phần trách nhiệm dân sự.

* Về tài sản tạm giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và tiêu hủy các tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm:

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà Nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại 105 V0360, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01(một) cây tu vít bake dài 25cm, có đầu bằng nhựa màu trắng đỏ dài 09cm (đã qua sử dụng).

+ 02 (hai) chiếc dép da màu đen, trên hai chiếc dép có dòng chữ BUTA, màu trắng (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) bảo hiểm, màu đen (có hình dạng như nón kết), phía sau có dòng chữ TONATO Helmet (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) cái quần sọt (ngắn) nam màu xám, mặt sau quần sọt có may một miếng da (nhựa) màu đen có dòng chữ X.KP.CO.91.

+ 01 (một) cái áo khoát màu đen có viền màu trắng đỏ, trên viền màu trắng bên ngực trái của áo có ghi dãy số 950228 màu xanh.

- Trả lại cho chị Nguyễn L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 66N1-354.70 vì tài sản này thuộc quyền sở hữu của chị Loan, việc các bị cáo sử dụng xe đi trộm tài sản, chị Loan hoàn toàn không biết.

Các bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi,quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, cả 02 bị cáo đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản thân các bị cáo có đủ sức khỏe để lao động sinh sống, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà không phải lao động vất vả. Lợi dụng sự thiếu quản lý tài sản của các bị hại, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân.

Số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 300.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị Vũ Minh A và Trần Thanh S đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng...”

Tội phạm mà các bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Bản thân các bị cáo đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, đáng ra trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải suy ngẫm lại hành vi phạm tội của mình, phấn đấu lao động, học tập để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, tìm cho mình một việc làm ổn định để có thu nhập hợp pháp từ chính công sức lao động của mình. Nhưng các bị cáo không làm được điều đó, mà khi chấp hành xong hình phạt tù, các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo thực hiện hành vi trộm ngay giữa ban ngày, điều đó thể hiện sự bất chấp xem thường pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng thuộc dạng đồng phạm giản đơn, nên khi xem xét quyết định hình phạt, phải xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội từng bị cáo thực hiện.

Mặc dù cả bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S đều không thừa nhận mình là người khởi xướng, rủ rê đi trộm tài sản. Nhưng căn cứ vào các chứng cứ trong vụ án: Chiếc xe mà 02 bị cáo sử dụng để đi trộm là của bị cáo Vũ Minh A, bị cáo Vũ Minh A là người trực tiếp tháo bỏ biển số xe ra khỏi xe để khi đi trộm tài sản tránh bị phát hiện, chính bị cáo A là người điện rủ bị cáo Trần Thanh S đi trộm tài sản (phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Thanh S). Từ các căn cứ nêu trên, xác định bị cáo Vũ Minh A là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Trần Thanh S đi trộm tài sản. Khi đến nơi có tài sản, bị cáo Vũ Minh A là người đứng canh chừng cho bị cáo Trần Thanh S lấy tài sản, đề cả 2 chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo A là rất nguy hiểm cho xã hội nên phải xử phạt mức hình phạt thật nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Thanh S, khi bị cáo Vũ Minh A rủ đi kiếm tài sản để trộm lấy tiền tiêu xài, thì bị cáo đồng ý ngay và dùng xe mô tô của bị cáo A chở A đi trộm tài sản, chính bị cáo là người trực tiếp lấy số tiền của các bị hại để trong cốp xe về chia với bị cáo A để tiêu xài. Hành vi của bị cáo cũng rất nguy hiểm cho xã hội, nên phải xử mức hình phạt thật nghiêm khắc.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của bộ luật Hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình (điểm s) và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[5] Đối với chị Trần T D là người giữ số tiền 120.000.000đồng do bị cáo Trần

Thanh S trộm mà có. Tuy nhiên, khi đưa tiền cho chị D cất giữ, S không nói đây là tiền do phạm tội mà có và chị D cũng không biết tiền do S lấy trộm, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị D, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần M và bà Phan N, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 270.000.000 đồng và đã trao trả lại cho bị hại, ông Minh và bà Hương đã nhận lại 270.000.000 đồng, riêng số tiền còn lại 30.000.000 đồng bị cáo Trần Thanh S đã tiêu xài hết, nên không thu hồi được, ông M và bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 30.000.000 đồng này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết quyết phần bồi thường này.

[7] Về vật chứng vụ án:

* Đối với số tiền mà cơ quan điều tra thu giữ của chị Nguyễn L, gồm:

- Tiền Việt Nam 14.000.000 đồng;
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).
- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).
- 17 (mười bảy) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Xét thấy số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị Loan. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra đúng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa không phát sinh gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 66N1-354.70 mà bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S sử dụng làm phương tiện đi trộm tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chiếc xe trên nguồn gốc là của chị Huỳnh Thị B, sau đó đem cầm cho tiệm cầm đồ, chị không có khả năng chuộc nên bị **đứt**. Sau đó chị Nguyễn L (vợ bị cáo Vũ Minh A) mua lại của tiệm cầm đồ, giấy mua bán do chị L đứng tên và tiền mua xe là của chị L. Như vậy chiếc xe trên là thuộc quyền sở hữu của chị L, việc bị cáo A sử dụng xe đi trộm tài sản, chị L hoàn toàn không biết. Xét thấy đây là phương tiện phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày của gia đình chị L, nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho chị L là phù hợp pháp luật.

** Đối với các vật và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:*

- 01 (một) cây tu vít bake dài 25cm, có đầu bằng nhựa màu trắng đỏ dài 09cm (đã qua sử dụng).

- 02 (hai) chiếc dép da màu đen, trên hai chiếc dép có dòng chữ BUTA, màu trắng (đã qua sử dụng).

- 01 (một) bảo hiểm, màu đen (có hình dạng như nón kết), phía sau có dòng chữ TONATO Helmet (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại 105 V0360, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) cái quần sọt (ngắn) nam màu xám, mặt sau quần sọt có may một miếng da (nhựa) màu đen có dòng chữ X.KP.CO.91.

- 01 (một) cái áo khoát màu đen có viền màu trắng đỏ, trên viền màu trắng bên ngực trái của áo có ghi dãy số 950228 màu xanh.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy và nộp ngân sách nhà nước là phù hợp pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh xét xử các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Minh A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh A 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: ngày 22/02/2019.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh S (tên gọi khác: SL) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S (tên gọi khác: SL) 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: ngày 21/02/2019.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* *Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước:*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại 105 V0360, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

* *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 (một) cây tu vít bake dài 25cm, có đầu bằng nhựa màu trắng đỏ dài 09cm (đã qua sử dụng).

+ 02 (hai) chiếc dép da màu đen, trên hai chiếc dép có dòng chữ BUTA, màu trắng (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) bảo hiểm, màu đen (có hình dạng như nón kết), phía sau có dòng chữ TONATO Helmet (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) cái quần sọt (ngắn) nam màu xám, mặt sau quần sọt có may một miếng da (nhựa) màu đen có dòng chữ X.KP.CO.91.

+ 01 (một) cái áo khoát màu đen có viền màu trắng đỏ, trên viền màu trắng bên ngực trái của áo có ghi dãy số 950228 màu xanh.

* *Trả lại cho chị Nguyễn L:* 01 xe mô tô nhãn hiệu Weve anpha, màu trắng, biển số 66N1-354.70.

(Tất cả các vật chứng trên hiện chi cục thi hành án dân sự thị xã Hđang quản lý).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Minh A và Trần Thanh S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Nhà tạm giữ Công an TX. H;
- Cơ quan điều tra Công an TX. H;
- Bị các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống